



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 07 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: Khoa Xét nghiệm, Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn

Medical Laboratory: The Laboratory Department, Hoan My Sai Gon Hospital

Cơ quan chủ quản: Bệnh viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn

Organization: Hoan My Sai Gon Hospital

Lĩnh vực xét nghiệm: Huyết học, Hóa sinh, Vi sinh

Field of medical testing: Hematology, Biochemistry, Microbiology

Người phụ trách/
Representative: Ngô Thị Hồng Đào

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: ISO 15189:2022

Số hiệu/ Code: VILAS MED 065

Hiệu lực/ Validation: từ ngày / /2026 đến ngày / /2031

Địa chỉ/ Address: 60-60A Phan Xích Long, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh/ 60-60A Phan Xích Long Street, Cau Kieu Ward, Ho Chi Minh City

Địa điểm/Location: Tầng 5, Bệnh viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn, 60-60A Phan Xích Long, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh/ 5th Floor, Hoan My Sai Gon Hospital, 60-60A Phan Xich Long Street, Cau Kieu Ward, Ho Chi Minh City

Điện thoại/ Tel: 028 3990 2468

Email: lab.hmsg@hoanmy.com

Website: www.hoanmy.com/saigon/

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 065

Lĩnh vực xét nghiệm: Huyết học
Discipline of medical testing: Hematology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Máu toàn phần <i>Whole blood (EDTA)</i>	Số lượng Bạch cầu (WBC) <i>White Blood Cell Count</i>	Phương pháp dòng chảy tế bào sử dụng laser bán dẫn <i>Semiconductor Laser Flow Cytometry</i>	HMSG-LAB-SOP- 3011 (2025) (Alinity Hq)
HMSG-LAB-SOP- 3024 (2025) (Sysmex XN-1000)				
Số lượng Hồng cầu (RBC) <i>Red Blood Cell Count</i>		Trở kháng điện sử dụng kỹ thuật tập trung dòng chảy động học <i>Hydrodynamic Focusing and Electrical Impedance</i>	HMSG-LAB-SOP- 3008 (2025) (Alinity Hq)	
		Dòng điện một chiều (DC) kết hợp kỹ thuật tập trung dòng chảy động học. <i>Hydrodynamic Focusing Direct Current (DC)</i>	HMSG-LAB-SOP- 3021 (2025) (Sysmex XN-1000)	
Số lượng Tiểu cầu (PLT) <i>Platelet Count</i>		Trở kháng điện sử dụng kỹ thuật tập trung dòng chảy động học <i>Hydrodynamic Focusing and Electrical Impedance</i>	HMSG-LAB-SOP- 3010 (2025) (Alinity Hq)	
		Dòng điện một chiều (DC) kết hợp kỹ thuật tập trung dòng chảy động học. <i>Hydrodynamic Focusing Direct Current (DC)</i>	HMSG-LAB-SOP- 3023 (2025) (Sysmex XN-1000)	
Định lượng Hemoglobin (HGB) <i>Determination of Hemoglobin (HGB)</i>		Quang phổ hấp thụ <i>Spectrophotometric</i>	HMSG-LAB-SOP- 3009 (2025) (Alinity Hq)	
		Sodium Lauryl Sulfate (SLS), đo quang phổ hấp thụ <i>Sodium Lauryl Sulfate (SLS) Hemoglobin</i>	HMSG-LAB-SOP- 3022 (2025) (Sysmex XN-1000)	

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 065

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
5.	Máu toàn phần (Tri-Na Citrate 3.2%) <i>Whole Blood (Tri-Na Citrate 3.2%)</i>	Thời gian Prothrombin <i>Prothrombin Time (PT)</i>	Đo quang <i>Optical Clot</i>	HMSG-LAB-SOP- 3030 (2025) (ACL TOP 350 CTS) (2025)
6.		Thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (aPTT) <i>Activated Partial Thromboplastin Time (aPTT)</i>	Đo quang <i>Optical Clot</i>	HMSG-LAB-SOP- 3031 (2025) (ACL TOP 350 CTS) (2025)
7.		Định lượng Fibrinogen <i>Determination of Fibrinogen</i>	Đo quang <i>Optical Clot</i>	HMSG-LAB-SOP- 3032 (ACL TOP 350 CTS) (2025)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 065

Lĩnh vực xét nghiệm: Hoá sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Huyết tương (Lithium Heparin) Plasma (Lithium heparin)	Xác định lượng Ion Natri (Na ⁺) <i>Determination of Sodium ion</i>	Điện cực chọn lọc <i>Ion-Selective Electrode (ISE)</i>	HMSG-LAB-SOP- 1023 (2025) (Alinity c)
2.		Xác định lượng Ion Kali (K ⁺) <i>Determination of Potassium ion</i>		
3.		Xác định lượng Ion Clo (Cl ⁻) <i>Determination of Chloride Ion</i>		
4.		Xác định lượng Cholesterol <i>Determination of Cholesterol</i>	Enzym so màu <i>Enzymatic Colorimetric</i>	HMSG-LAB-SOP- 1011 (2025) (Alinity c)
5.		Xác định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerides</i>	Enzym so màu <i>Enzymatic Colorimetric</i>	HMSG-LAB-SOP- 1028 (2025) (Alinity c)
6.		Xác định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	Enzym <i>Enzymatic</i>	HMSG-LAB-SOP- 1016 (2025) (Alinity c)
7.		Xác định lượng Amylase <i>Determination of Amylase</i>	Enzym <i>Enzymatic</i>	HMSG-LAB-SOP- 1005 (2025) (Alinity c)
8.	Huyết tương (Lithium Heparin) Plasma (Lithium heparin)	Xác định lượng Axit Uric <i>Determination of Uric Acid</i>	Enzym so màu <i>Enzymatic Colorimetric</i>	HMSG-LAB-SOP- 1001 (2025) (Alinity c)
9.		Xác định lượng Alanine Aminotransferase (ALT) <i>Determination of Alanine Aminotransferase (ALT)</i>	Động học enzym <i>Kinetic Enzymatic</i>	HMSG-LAB-SOP- 1004 (2025) (Alinity c)
10.		Xác định lượng Aspartate aminotransferase (AST) <i>Determination of Aspartate Aminotransferase (AST)</i>		HMSG-LAB-SOP- 1007 (2025) (Alinity c)
11.		Xác định lượng Gamma Glutamyl transferase (GGT) <i>Determination of Gamma- Glutamyl Transferase (GGT)</i>	Enzym so màu động học <i>Kinetic Enzymatic Colorimetric</i>	HMSG-LAB-SOP- 1015 (2025) (Alinity c)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 065

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
12.	Huyết tương (Lithium Heparin) Plasma (Lithium heparin)	Xác định lượng Alpha- Fetoprotein (AFP) <i>Determination of Alpha- Fetoprotein (AFP)</i>	Miễn dịch vi hạt hóa phát quang (CMIA) <i>Chemiluminescent Microparticle Immunoassay (CMIA)</i>	HMSG-LAB-SOP- 2001 (2025) (Alinity i)
13.		Xác định lượng Hormone kích thích tuyến giáp (TSH) <i>Determination of Thyroid- Stimulating Hormone (TSH)</i>		HMSG-LAB-SOP- 2018 (2025) (Alinity i)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 065

Lĩnh vực xét nghiệm: Vi sinh

Discipline of medical testing: Microbiology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Huyết tương (Li-Heparin) Plasma (Li-Heparin)	Phát hiện kháng nguyên bề mặt viêm gan siêu vi B (HBsAg) <i>Detection of Hepatitis B Surface Antigen (HBsAg)</i>	Miễn dịch vi hạt hóa phát quang (CMIA) <i>Chemiluminescent Microparticle Immunoassay (CMIA)</i>	HMSG-LAB-SOP-2015 (Alinity i) (2025)
2.		Phát hiện kháng thể kháng viêm gan siêu vi C (Anti HCV) <i>Detection of Antibodies to Hepatitis C Virus (Anti-HCV)</i>		HMSG-LAB-SOP-2020 (Alinity i) (2025)

Ghi chú/ Note:

- HMSG.LAB...: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Khoa Xét nghiệm, Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Laboratory Department, Hoan My Sai Gon General Hospital that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

